TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2024/DS-PT;
Ngày: 05/7/2024;
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rẻn;
Ông Lê Văn Phận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS–ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1845/2024/QĐ–PT ngày 27 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1984. Địa chỉ ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1965;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

2. Anh Phan Văn T2, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Người đại diện theo ủy quyền của anh T2: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Phan Văn đ, bà Phan Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2020, ông Nguyễn Văn T có cho gia đình ông Phan Văn Đ vay số tiền 720.000.000 đồng để đáo hạn nợ Ngân hàng, với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Thời hạn vay là 01 tuần, hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không có lập thành văn bản. Tuy nhiên sau khi lấy tiền vay của ông T để trả nợ Ngân hàng, vợ chồng ông Đ không vay lại được do vướng nợ xấu. Vì thế ông bà đã chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất của ông bà cho con là Phan Văn T2, mục đích để giúp ông bà vay tiền ngân hàng T3. Tuy nhiên, không biết việc vay nợ ngân hàng của ông Đ thế nào mà đến nay vợ chồng ông không trả số tiền vay trên cho ông T. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà C, anh T2 trả tiền trên nhưng gia đình ông Đ đều hẹn và không trả lại tiền cho ông T.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 720.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 21/4/2020 đến ngày 21/02/2024 với tổng số tiền là 1.051.200.000 đồng, trong đó tiền vốn là 720.000.000 đồng, tiền lãi là 331.200.000 đồng.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 21/4/2020 ông có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 720.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất 9%/tháng, không nói rõ thời hạn, không có làm giấy, chỉ nói khi nào vay ngân hàng lại được sẽ trả. Do năm 2019 ông, bà C (vợ ông), anh T2 (con ông) có ký tên vay tiền tại Ngân hàng N với số tiền 700.000.000 đồng. Đến năm 2020 đáo hạn ngân hàng nhưng gia đình ông không có tiền trả nên anh T có đứng ra trả thay cho gia đình ông số tiền 720.000.000 đồng. Do không vay lại được tiền của ngân hàng nên ông chưa trả lại được tiền vay của ông T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T, ông đồng ý trả cho ông T số tiền vốn là 720.000.000 đồng, về lãi suất ông yêu cầu ông T giảm lãi cho ông 01 năm, đây là nợ của vợ chồng ông, không liên quan gì đến anh T2 nên anh T2 không đồng ý trả nợ cho ông T.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phan Văn Đ, bà đồng ý trả cho ông T số tiền vốn là 720.000.000 đồng, yêu cầu ông T giảm lãi cho bà 01 năm, đây là nợ của vợ chồng bà, không liên quan gì đến anh T2 là con của bà và ông Đ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS–ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2.

Buộc ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.051.200.000 đồng (Một tỷ năm mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó tiền vốn gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 331.200.000 đồng (Ba trăm ba mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận ông Nguyễn Văn T không yêu cầu ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 trả lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 22/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/3/2024, bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị C kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn - ông Đ, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn giảm 12 tháng tiền lãi, ông T2 không có liên quan nên không đồng ý liên đới trả tiền cho ông T. Đồng thời, ông Đ, bà C không đồng ý đối với phần án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà C, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn – ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị C kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà C, anh T2 liên đới trả tiền vốn vay là 720.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng từ ngày 21/4/2020 đến ngày 21/02/2024.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của bị đơn ông Phan Văn Đ về việc thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 720.000.000 đồng, nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, ông Đ cũng đồng ý trả cho ông T số tiền vay là 720.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định các tình tiết, sự kiện này không cần phải chứng minh.

[2.3] Tuy các bên đương sự đã thống nhất với nhau về số tiền vay, ngày vay, mục đích vay nhưng không thống nhất về trách nhiệm trả nợ. Ông Đ, bà C đồng ý trả cho ông T số tiền 720.000.000 đồng, anh T2 không đồng ý liên đới cùng ông Đ bà C trả số tiền này cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ thừa nhận vào năm 2019 gia đình ông gồm có vợ chồng ông và con là anh T2 có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của ngân hàng nhưng khi đến hạn không có tiền để trả nợ cho ngân hàng nên ông đứng ra vay 720.000.000 đồng của ông T để trả cho ngân hàng khoản nợ vay trên. Đồng thời, khi ngân hàng không cho vay lại, vợ chồng ông đã sang tên đất cho anh T2 để anh T2 đứng ra vay tiền của Ngân hàng để trả nợ cho ông T. Mặt khác, ông Đ khai trước đây anh T2 có đứng ra trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng trong tổng số nợ vay nhưng ông T không nhận. Điều đó có đủ căn cứ xác định khoản vay 720.000.000 đồng của ông T là nợ chung của ông Đ, bà C, anh T2. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T yêu cầu ông Đ, bà C, anh T2 liên đới trả số tiền 720.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Ông T yêu cầu ông Đ, bà C trả lãi 1%/tháng đối với số tiền vốn vay tính từ ngày 21/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy, do ông Đ, bà C, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Lãi suất ông T yêu cầu là 12%/năm là không vượt quá lãi suất giới hạn 20%/năm của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả nên được chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính là: 720.000.000 đồng x 1%/tháng x 46 tháng = 331.200.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi ông Đ, bà C, anh T2 trả cho ông T là: 720.000.000 đồng + 331.200.000 đồng = 1.051.200.000 đồng.

[3] Đối với nội dung ông Đ, bà C kháng cáo không đồng ý chịu án phí sơ thẩm thì theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận". Do ông Đ, bà C không thuộc các trường hợp không phải chịu án phí và cũng không thuộc các trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận toàn bộ.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2.

Buộc ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.051.200.000 đồng (Một tỷ năm mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó tiền vốn gốc là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 331.200.000 đồng (Ba trăm ba mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận ông Nguyễn Văn T không yêu cầu ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 trả lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 22/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C, anh Phan Văn T2 có trách nhiệm liên đới nộp 43.536.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm ba sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- H lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.060.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002124 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị C mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003944 ngày 18/3/2024 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005420 ngày 13/5/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng